

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỈNH GIA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2019
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH GIA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thế Anh
2. Ông Lê Văn Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Cao Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Tỉnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tỉnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Gia,
tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2019/TLST-
HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019, giữa các
đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H - Sinh năm: 1994

Nơi ĐKKHKT: Thôn x, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ hiện tại: Thôn y, xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu K - Sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn x, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2019, lời khai trong quá trình giải
quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Lê Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu K tự nguyện tìm hiểu,
đăng ký kết hôn ngày 04/12/2013 tại UBND xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát
sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau,
bất đồng quan điểm sống, anh K thường xuyên cờ bạc và đi thâu đêm, không
quan tâm đến gia đình nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra va chạm, nhiều
lúc không khí gia đình rất ngột ngạt, căng thẳng. Kể từ ngày 24 tháng 12 năm
2016 cho đến nay, chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn y, xã P, huyện T, tỉnh Thanh
Hóa để sinh sống, chị H và anh K ly thân từ đó đến nay. Trong suốt thời gian

sống ly thân, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hữu K.

Về con chung: Chị và anh K có một con chung nhưng cháu đã chết. Hiện tại chị và anh K không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Hữu K là bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn, anh và chị H chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về kinh tế, nên trong cuộc sống đôi lúc xảy ra va chạm và có cãi nhau. Tuy nhiên giữa anh và chị H chỉ có những mâu thuẫn nhỏ nhặt như nhiều gia đình khác. Kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2016 cho đến nay, chị H tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn y, xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa để sinh sống, anh và chị H ly thân nhau từ đó đến nay. Trong suốt thời gian sống ly thân, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị H khởi kiện ly hôn anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh vẫn còn yêu thương chị H nên không đồng ý ly hôn mà muốn vợ chồng được đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc.

Về con chung: Anh và chị H có một con chung nhưng cháu đã chết. Hiện tại, anh và chị H không có con chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo kết quả xác minh tại thôn x, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nơi trước đây chị H và anh K sinh sống: Về thời gian và điều kiện kết hôn như trình bày của các đương sự ở phần trên. Sau khi kết hôn, chị H và anh K sống chung với gia đình nhà chồng (cha mẹ anh K) tại thôn x, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Chị H và anh K chung sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2016 thì nảy sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn trầm trọng kể từ ngày 18/9/2016 (ngày con trai của anh chị mất). Kể từ ngày 24/12/2016 cho đến nay, chị H tự ý bỏ về nhà cha mẹ đẻ ở thôn y, xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa để sinh sống và họ ly thân từ đó. Anh K và gia đình đã gặp gỡ để thuyết phục chị H về đoàn tụ với anh K nhưng chị H không đồng ý. Mâu thuẫn giữa chị H và anh K đã trầm trọng đến mức không thể cùng chung sống với nhau được nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Lê Thị H ly hôn với anh Nguyễn Hữu K; hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết về con

chung và tài sản chung nên đề nghị HĐXX không xem xét; buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Lê Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Hữu K. Bị đơn anh Nguyễn Hữu K có nơi cư trú tại thôn x, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Hữu K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 04/12/2013 là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của của hai bên đương sự và căn cứ vào kết quả xác minh tại địa phương nơi anh chị sinh sống, có đủ cơ sở khẳng định: Mâu thuẫn giữa chị H anh K đã kéo dài. Kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2016 cho đến nay, chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn y, xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa để sinh sống. Trong suốt khoảng thời gian đó, chị H anh K sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai nữa. Anh K cho rằng giữa anh và chị H chỉ có những mâu thuẫn nhỏ nhặt, anh vẫn còn yêu thương chị H nên không đồng ý ly hôn, nhưng anh không có bất kỳ giải pháp nào để cải thiện tình cảm với chị H, hàn gắn mâu thuẫn để vợ chồng trở về đoàn tụ.

Do đó có đủ cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng chị H và anh K không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị H để xử cho chị H được ly hôn đối với anh K.

[3] Về con chung: Chị H và anh K thống nhất không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án, buộc chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị H, xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Nguyễn Hữu K.

- Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia, theo biên lai thu tiền số AA/2017/0004089 ngày 14 tháng 6 năm 2019; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt chị H và anh K. Chị H và anh K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Chi cục THADS huyện Tĩnh Gia;
- UBND xã Xuân Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bắc